

**DANH SÁCH THÍ SINH ƯU TIÊN XÉT TUYỂN (MIỄN THI NĂNG KHIẾU)
ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC KHÓA 83 ĐỢT 1 NĂM 2025**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thành tích đạt được
1	TDS.VLVH.01.009	NGUYỄN HOÀNG HỒNG ÂN	29/07/2003	Nữ	HCV Pencak Silat Châu Á 2023
2	TDS.VLVH.01.012	LƯU BẢO ANH	08/06/2007	Nam	HCB Vô địch Boxing TQ 2024
3	TDS.VLVH.01.017	PHÙ THỊ LAN ANH	07/09/2006	Nữ	Kiên tướng Karate 2024
4	TDS.VLVH.01.043	TRẦN VĂN BÌNH	16/07/2006	Nam	Cấp Điền kinh 2025
5	TDS.VLVH.01.044	NGUYỄN MỘNG CẨM	01/02/2007	Nữ	HCB Kickboxing TQ 2025
6	TDS.VLVH.01.049	NGUYỄN THỊ TRANG CHI	10/06/2003	Nữ	HCB Môn Arnis QG 2023
7	TDS.VLVH.01.054	ĐỖ THỊ CÚC	28/01/2007	Nữ	HCB Bóng bàn trẻ QG 2023
8	TDS.VLVH.01.065	BÙI HẢI ĐĂNG	27/04/1989	Nam	Kiên tướng BC bãi biển 2024
9	TDS.VLVH.01.085	VŨ QUỐC ĐẠT	28/11/1996	Nam	Kiên tướng QT Cờ tướng 2024
10	TDS.VLVH.01.095	LÝ NGÔ ĐỒNG	28/03/2005	Nữ	HCB Judo trẻ ĐNA 2024
11	TDS.VLVH.01.103	VŨ HÀ MINH ĐỨC	13/05/2003	Nam	Kiên tướng Quần vợt 2024
12	TDS.VLVH.01.106	NGUYỄN TĂNG ĐOÀN ANH DŨNG	10/11/1989	Nam	HCV Billiards&Snooker QG 2025
13	TDS.VLVH.01.121	TRẦN HUỖNH DUY	19/04/1982	Nam	HCB Võ cổ truyền QG 2024
14	TDS.VLVH.01.124	ĐẶNG THỊ MỸ DUYÊN	14/07/2003	Nữ	HCB Bóng chuyền TQ 2022
15	TDS.VLVH.01.136	VŨ LÊ HỒNG HẢI	23/02/2007	Nam	HCB Cầu lông trẻ QG 2022
16	TDS.VLVH.01.140	VÕ NGỌC HÂN	20/06/2006	Nữ	Kiên tướng Kickboxing 2024
17	TDS.VLVH.01.161	HUỖNH THỊ KIM HOA	13/06/2006	Nữ	HCB Bóng đá nữ U19 QG 2025
18	TDS.VLVH.01.166	ĐƯỜNG MINH HOÀNG	16/09/2002	Nam	HCB Roller Sports QG 2024
19	TDS.VLVH.01.183	HÀ PHÚ HƯNG	27/06/2007	Nam	HCB Bóng đá U17 QG 2022
20	TDS.VLVH.01.191	LÊ CÔNG HỮU	23/07/2005	Nam	Cấp 1 BC bãi biển 2024
21	TDS.VLVH.01.214	HUỖNH THỊ NGỌC HUYỀN	19/01/1982	Nữ	HCV Billiards&Snooker TQ 2022
22	TDS.VLVH.01.215	KIM THỊ HUYỀN	28/04/2003	Nữ	HCV Điền kinh TQ 2023
23	TDS.VLVH.01.220	HUỖNH NGỌC BẢO KHANG	05/09/1998	Nam	Kiên tướng BC bãi biển 2025
24	TDS.VLVH.01.223	NGUYỄN PHẠM QUỐC KHANG	21/09/1996	Nam	Kiên tướng Xe đạp TQ 2024
25	TDS.VLVH.01.227	ĐẶNG KHẮC ĐẶNG KHÁNH	02/01/2007	Nam	HCB Cầu lông trẻ QG 2024
26	TDS.VLVH.01.238	PHẠM ANH KHOA	10/03/1985	Nam	HCV Bowling QG 2025
27	TDS.VLVH.01.240	THÁI ANH KHOA	22/07/2007	Nam	HCV Cầu lông QG 2023
28	TDS.VLVH.01.244	LÊ HOÀNG KHÔI	17/12/2004	Nam	HCV Bowling trẻ QG 2023
29	TDS.VLVH.01.248	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHÔI	19-10-2007	Nam	Kiên tướng Vovinam 2024
30	TDS.VLVH.01.261	NGUYỄN VŨ LÂM	25/04/2003	Nam	HCB Jujitsu trẻ TQ 2023
31	TDS.VLVH.01.267	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	24/03/2005	Nữ	HCB Xe đạp trẻ QG 2023
32	TDS.VLVH.01.284	HUỖNH THỊ CẨM LY	31/12/2007	Nữ	HCV Roller QG 2024
33	TDS.VLVH.01.289	LẠI THỊ TRÀ MI	24/05/2007	Nữ	HCB Bóng Đá Nữ U19 QG 2025
34	TDS.VLVH.01.290	NGUYỄN TIẾN MINH	12/02/1983	Nam	Kiên tướng Cầu lông 2024
35	TDS.VLVH.01.294	DANH THỊ KIỀU MY	11/01/2004	Nữ	HCB Bóng đá nữ U18 ĐNA 2022
36	TDS.VLVH.01.309	NGÔ THỊ NGÂN	06/09/2007	Nữ	HCV Bóng bàn TQ 2024
37	TDS.VLVH.01.314	PHẠM TRỌNG NGHĨA	09/05/2004	Nam	HCB Võ cổ truyền TQ 2023
38	TDS.VLVH.01.342	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	30/08/2006	Nữ	HCB Bóng đá nữ U19 QG 2025



Handwritten signature or mark.

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thành tích đạt được
39	TDS.VLVH.01.359	HÀ THANH PHONG	20/06/2007	Nam	HCB Bóng bàn trẻ TQ 2024
40	TDS.VLVH.01.372	CÁI HỒNG PHÚC	10/01/2007	Nam	HCV Jujitsu VĐ Trẻ ĐNA 2025
41	TDS.VLVH.01.378	ĐỖ MAI PHƯƠNG	27/09/2004	Nữ	HCV Cờ tướng trẻ QG 2022
42	TDS.VLVH.01.380	LỮ THỊ PHƯƠNG	27/10/2002	Nữ	Kiên tướng Bóng chuyền 2025
43	TDS.VLVH.01.383	VÕ THỤY UYÊN PHƯƠNG	10/05/1982	Nữ	Kiên tướng Billiards&Snooker 2021
44	TDS.VLVH.01.397	NGUYỄN MINH NHẬT QUANG	11/04/1994	Nam	HCB Cờ tướng ASIAD 19 2023
45	TDS.VLVH.01.406	LÔI NGỌC QUỲNH	13/04/2007	Nữ	Cấp 1 Xe đạp 2024
46	TDS.VLVH.01.425	NGUYỄN HOÀNG SƠN	19/08/2005	Nam	HCV Karate TQ 2022
47	TDS.VLVH.01.426	NGUYỄN HOÀNG SƠN	10/12/2005	Nam	HCB Karate trẻ QG 2022
48	TDS.VLVH.01.447	NGUYỄN NGỌC TÂN	17/10/2005	Nam	Cấp 1 BC bãi biển 2024
49	TDS.VLVH.01.449	BÙI TRỌNG THÁI	15/08/1994	Nam	HCV Boxing TQ 2024
50	TDS.VLVH.01.454	ĐẶNG THỊ KIM THANH	28/03/1999	Nữ	HCB Bóng chuyền TQ 2022
51	TDS.VLVH.01.455	ĐỖ HOÀNG THANH	07/07/2007	Nam	HCV Muay QG 2024
52	TDS.VLVH.01.456	NAY RỎ CHÂM THANH	09/02/2007	Nam	Cấp 1 Karate 2024
53	TDS.VLVH.01.457	NGUYỄN NHẬT THANH	26/11/1980	Nam	HCB Billiards&Snooker QG 2024
54	TDS.VLVH.01.460	TRẦN MINH THÀNH	01/01/1992	Nam	HCV Bắn cung QG 2024
55	TDS.VLVH.01.476	VÕ THỊ KIM THOA	18/03/1998	Nữ	HCB Bóng chuyền TQ 2023
56	TDS.VLVH.01.479	THỊ MỸ THU	01/01/2006	Nữ	HCB Bóng đá nữ U19 GG 2023
57	TDS.VLVH.01.483	NGUYỄN THỊ MINH THU	16/02/2006	Nữ	Cấp 1 Karate 2024
58	TDS.VLVH.01.485	VŨ THỊ ANH THU	16/07/2001	Nữ	Kiên tướng Cầu lông 2024
59	TDS.VLVH.01.494	ĐOÀN THỊ MỸ TIỀN	03/07/2000	Nữ	HCB Bóng chuyền TQ 2022
60	TDS.VLVH.01.508	HOÀNG THU TRANG	18/06/2001	Nữ	HCB Bóng rổ 5X5 U23 QG 2024
61	TDS.VLVH.01.541	PHẠM NGÔ THÁI TUẤN	15/01/2007	Nam	HCB Vovinam trẻ QG 2025
62	TDS.VLVH.01.550	TRẦN THỊ HOÀNG VÂN	17/12/2007	Nữ	HCV Jujitsu VĐ Trẻ ĐNA 2025
63	TDS.VLVH.01.552	TRẦN ĐỨC VẪN	07/08/2006	Nam	HCV Bắn súng QG 2023
64	TDS.VLVH.01.559	NGUYỄN TRÍ VINH	09/04/2002	Nam	HCV Judo QG 2024
65	TDS.VLVH.01.565	NGUYỄN LÊ NGỌC VY	17/11/2003	Nữ	HCB Pencak Silat QG 2024
66	TDS.VLVH.01.568	NGUYỄN HOÀNG YẾN	16/08/1992	Nữ	HCB Cờ tướng ASIAD 19 2023

Tổng số: 66 thí sinh./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
TS. Võ Quốc Thắng